

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 9849
	Giờ: Ngày 27 tháng 3 năm 12

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

4103002690		ngày 23 tháng 9 năm 2004
4103002690	điều chỉnh lần 1	ngày 17 tháng 4 năm 2007
4103002690	điều chỉnh lần 2	ngày 9 tháng 11 năm 2007
4103002690	điều chỉnh lần 3	ngày 21 tháng 5 năm 2008
4103002690	điều chỉnh lần 4	ngày 6 tháng 8 năm 2008
4103002690	điều chỉnh lần 5	ngày 12 tháng 5 năm 2009
0300405462	điều chỉnh lần 6	ngày 23 tháng 9 năm 2010
0300405462	điều chỉnh lần 7	ngày 31 tháng 5 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 8	ngày 26 tháng 8 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 9	ngày 28 tháng 10 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 10	ngày 5 tháng 7 năm 2012
0300405462	điều chỉnh lần 11	ngày 6 tháng 2 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Trịnh Anh Tuấn
Trần Thanh Văn
Phạm Kiều Diễm
Ngô Đình Luyện
Cao Trọng Miên

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Tạ Duy Linh
Vũ Nhất Tâm
Võ Thị Cẩm Hồng

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Trần Thanh Văn
Nguyễn Bảo Hạnh
Trương Võ Văn Chính

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến 41. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến loại trừ đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2012 do khoản dự phòng trợ cấp thôi việc bị ghi nhận thiếu là 18,6 tỷ VND và 15,4 tỷ VND, đồng thời lợi nhuận chưa phân phối bị ghi thừa một khoản tương tự lần lượt tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến loại trừ

Như được trình bày trong phần Phạm vi kiểm toán, về báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, kiểm toán viên năm trước đã nêu ý kiến loại trừ cho khoản dự phòng trợ cấp thôi việc ghi nhận thiếu 18,6 tỷ VND và 15,4 tỷ VND lần lượt tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng trợ cấp thôi việc theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Nếu dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 15,4 tỷ VND đã được lập, lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 15,4 tỷ VND và lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng một khoản tương tự.

Ý kiến loại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng đối với vấn đề được đề cập trong đoạn Cơ sở cho Ý kiến loại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.


Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-233




Chang Hùng Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		726.305.501.405	752.896.042.200
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	83.908.244.156	51.468.872.190
Tiền	111		30.908.244.156	51.468.872.190
Các khoản tương đương tiền	112		53.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	6	45.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130	7	160.191.715.202	141.222.625.358
Phải thu khách hàng	131		152.242.553.154	112.448.107.692
Trả trước cho người bán	132		6.285.304.400	30.785.623.311
Các khoản phải thu khác	135		3.544.734.584	74.392.561
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.880.876.936)	(2.085.498.206)
Hàng tồn kho	140	8	420.173.730.956	543.502.062.085
Hàng tồn kho	141		420.640.882.135	543.660.107.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(467.151.179)	(158.045.655)
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.031.811.091	16.702.482.567
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.971.557.729	1.580.767.051
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.052.252.707	13.226.931.050
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.008.000.655	1.894.784.466
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		418.029.331.396	433.038.971.770
Tài sản cố định	220		410.119.090.570	429.962.122.666
Tài sản cố định hữu hình	221	9	368.644.916.086	284.744.047.302
Nguyên giá	222		629.676.841.492	494.105.922.147
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(261.031.925.406)	(209.361.874.845)
Tài sản cố định vô hình	227	10	29.084.964.173	29.013.923.110
Nguyên giá	228		50.376.360.314	49.541.944.776
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.291.396.141)	(20.528.021.666)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	12.389.210.311	116.204.152.254
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		294.020.000	294.020.000
Đầu tư dài hạn khác	258		294.020.000	294.020.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.616.220.826	2.782.829.104
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.872.157.149	1.556.520.460
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.553.663.677	1.065.908.644
Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	160.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.144.334.832.801	1.185.935.013.970

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		614.115.963.149	636.233.987.544
Nợ ngắn hạn	310		613.592.963.149	622.341.581.018
Vay ngắn hạn	311	15	292.690.478.278	361.971.385.357
Phải trả người bán	312		176.336.835.389	127.080.879.618
Người mua trả tiền trước	313		592.842.014	1.353.412.777
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	10.036.248.896	7.141.701.191
Phải trả người lao động	315		69.604.090.741	70.888.285.281
Chi phí phải trả	316	17	27.403.760.573	28.204.490.416
Các khoản phải trả khác	319	18	22.121.616.595	14.574.338.600
Dự phòng bảo hành	320	20	8.181.035.629	4.648.537.973
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		6.626.055.034	6.478.549.805
Nợ dài hạn	330		523.000.000	13.892.406.526
Phải trả dài hạn khác	333		523.000.000	1.019.000.000
Vay dài hạn	334	19	-	9.373.406.526
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	-	3.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		530.218.869.652	549.701.026.426
Vốn chủ sở hữu	410	21	530.218.869.652	549.701.026.426
Vốn cổ phần	411	22	269.878.430.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	414	22	(14.367.110.657)	(14.367.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	417	23	80.384.982.904	77.177.527.175
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	26.987.843.000	25.161.897.230
Lợi nhuận chưa phân phối	420		105.039.635.650	129.555.193.923
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.144.334.832.801	1.185.935.013.970

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ - USD	232.564	64.243

ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	24	1.870.422.735.605	1.979.599.539.887
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(680.156.160)	(749.029.549)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		1.869.742.579.445	1.978.850.510.338
Giá vốn hàng bán	11		(1.492.621.615.906)	(1.563.466.960.248)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		377.120.963.539	415.383.550.090
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.078.917.500	20.290.353.590
Chi phí tài chính	22	26	(27.229.541.770)	(80.916.895.691)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(22.068.211.186)</i>	<i>(27.580.116.911)</i>
Chi phí bán hàng	24		(244.131.264.314)	(198.239.688.508)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(32.377.520.568)	(44.784.734.733)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		83.461.554.387	111.732.584.748
Thu nhập khác	31	27	1.509.402.356	6.429.845.122
Chi phí khác	32	28	(22.582.462)	(6.247.205.560)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		1.486.819.894	182.639.562

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		84.948.374.281	111.915.224.310
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	(22.287.014.730)	(14.443.151.450)
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	29	1.487.755.033	(589.125.612)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		64.149.114.584	96.882.947.248
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.409	3.639

ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		84.948.374.281	111.915.224.310
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		52.528.035.786	35.197.821.593
Các khoản dự phòng	03		(3.395.515.746)	4.975.848.581
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.315.317.356)	253.089.150
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(545.455)	(287.270.546)
Thu nhập lãi tiền gửi	06		(5.928.446.615)	(11.758.992.868)
Chi phí lãi vay	07		22.068.211.186	27.580.116.911
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		148.904.796.081	167.875.837.131
Biến động các khoản phải thu	09		(14.932.128.458)	(61.943.555.469)
Biến động hàng tồn kho	10		123.019.225.605	(42.685.703.601)
Biến động các khoản phải trả	11		48.996.792.058	49.904.489.515
Biến động chi phí trả trước	12		344.995.675	(2.505.788.691)
			306.333.680.961	110.645.278.885
Tiền lãi vay đã trả	13		(22.853.106.475)	(27.015.102.530)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(17.518.761.237)	(13.892.028.487)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.267.406.229)	(2.701.199.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		259.694.407.020	67.036.948.608
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(37.766.426.732)	(161.790.025.705)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		545.455	287.270.546
Gửi tiền có kỳ hạn	25		(45.000.000.000)	-
Thu lãi tiền gửi	27		3.115.946.615	14.503.726.559
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(79.649.934.662)	(146.999.028.600)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.321.162.567.376	1.112.630.677.217
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.398.768.160.407)	(1.168.346.186.470)
Tiền thanh toán khoản phải trả dài hạn khác	35		(496.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36		(69.730.791.200)	(10.156.104.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(147.832.384.231)	(65.871.614.053)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		32.212.088.127	(145.833.694.045)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		51.468.872.190	197.241.764.050
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		227.283.839	60.802.185
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	83.908.244.156	51.468.872.190

ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ác quy.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 1.149 nhân viên (31/12/2011: 1.089 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”)

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và cấu trúc	10 – 25 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ Dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm
▪ Khác	5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ phát sinh liên quan đến việc phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(o) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

(s) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất cùng các công ty con và các công ty liên kết.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.519.029.190.855	1.671.211.161.766	350.713.388.590	307.639.348.572	1.869.742.579.445	1.978.850.510.338
Tài sản của bộ phận	1.144.334.832.801	1.185.935.013.970	-	-	1.144.334.832.801	1.185.935.013.970
Chi tiêu vốn	37.766.426.732	161.790.025.705	-	-	37.766.426.732	161.790.025.705

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	992.245.694	1.204.167.577
Tiền gửi ngân hàng	29.915.998.462	50.264.704.613
Các khoản tương đương tiền	53.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	83.908.244.156	51.468.872.190

6. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng từ ngày phát sinh và có lãi suất năm dao động từ 9% đến 12%.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	2.812.500.000	-
Tài sản chờ thanh lý	468.209.325	21.721.915
Phải thu khác	264.025.259	52.670.646
	<hr/>	<hr/>
	3.544.734.584	74.392.561

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên vật liệu	187.223.919.316	200.439.520.972
Thành phẩm	96.185.552.135	234.423.337.529
Hàng mua đang đi trên đường	71.660.196.599	41.901.856.727
Sản phẩm dở dang	65.266.684.792	66.805.746.026
Hàng hóa	304.529.293	89.646.486
	<hr/>	<hr/>
	420.640.882.135	543.660.107.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(467.151.179)	(158.045.655)
	<hr/>	<hr/>
	420.173.730.956	543.502.062.085

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	158.045.655	-
Tăng dự phòng trong năm	309.105.524	158.045.655
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	467.151.179	158.045.655

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	102.352.650.750	366.975.562.210	14.847.922.063	9.127.781.824	802.005.300	494.105.922.147
Tăng trong năm	-	3.462.486.954	-	97.949.591	-	3.560.436.545
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	28.409.065.377	102.866.724.536	-	331.803.637	497.500.000	132.105.093.550
Thanh lý	-	-	-	(94.610.750)	-	(94.610.750)
Phân loại lại	6.496.963	(466.381.716)	1.984.622.249	(1.524.737.496)	-	-
Số dư cuối năm	130.768.213.090	472.838.391.984	16.832.544.312	7.938.186.806	1.299.505.300	629.676.841.492
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	27.834.660.291	168.886.905.721	7.810.912.873	4.760.840.987	68.554.973	209.361.874.845
Khấu hao trong năm	7.557.109.692	40.969.722.778	1.310.811.479	1.704.329.648	222.687.714	51.764.661.311
Thanh lý	-	-	-	(94.610.750)	-	(94.610.750)
Phân loại lại	2.611.114	(87.894.724)	254.271.926	(168.988.316)	-	-
Số dư cuối năm	35.394.381.097	209.768.733.775	9.375.996.278	6.201.571.569	291.242.687	261.031.925.406
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	74.517.990.459	198.088.656.489	7.037.009.190	4.366.940.837	733.450.327	284.744.047.302
Số dư cuối năm	95.373.831.993	263.069.658.209	7.456.548.034	1.736.615.237	1.008.262.613	368.644.916.086

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 149.790 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 121.403 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có tài sản cố định hữu hình (31/12/2011: 3.013 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.293.702.056	2.248.242.720	49.541.944.776
Tăng trong năm	-	834.415.538	834.415.538
Số dư cuối năm	47.293.702.056	3.082.658.258	50.376.360.314
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.527.936.164	2.000.085.502	20.528.021.666
Khấu hao trong năm	543.360.877	220.013.598	763.374.475
Số dư cuối năm	19.071.297.041	2.220.099.100	21.291.396.141
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	28.765.765.892	248.157.218	29.013.923.110
Số dư cuối năm	28.222.405.015	862.559.158	29.084.964.173

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 18.564 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 18.442 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	116.204.152.254	160.844.590.146
Tăng trong năm	33.341.574.649	158.602.789.239
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(132.105.093.550)	(203.243.227.131)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.051.423.042)	-
Số dư cuối năm	12.389.210.311	116.204.152.254

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, xây dựng cơ bản dở dang (31/12/2011: 43.517 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty là không.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	6.979.072.570	87.388.392.709
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.139.017.479	28.815.759.545
Chi phí phục hồi và nâng cấp	271.120.262	-
	12.389.210.311	116.204.152.254

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.302.570.732	253.949.728	1.556.520.460
Tăng trong năm	-	143.630.364	143.630.364
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.051.423.042	-	5.051.423.042
Phân bổ trong năm	(1.606.187.696)	(273.229.021)	(1.879.416.717)
Số dư cuối năm	4.747.806.078	124.351.071	4.872.157.149

13. Đầu tư vào công ty con

Chi tiết công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 6 tháng 12 năm 2010.	60%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty và các cổ đông của công ty con chưa góp vốn vào công ty con.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	279.918.154
Chi phí phải trả	438.032.425	180.656.666
Dự phòng bảo hành	2.045.258.907	581.067.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	116.787.795	19.755.707
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(46.415.450)	4.510.870
	<hr/>	<hr/>
	2.553.663.677	1.065.908.644

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	292.690.478.278	355.083.299.779
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 19)	-	6.888.085.578
	<hr/>	<hr/>
	292.690.478.278	361.971.385.357

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	USD	3,50% - 4,50%	24.243.963.719	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	VND	18,00%	-	24.770.237.818
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	9,00%	-	25.064.094.945
Ngân hàng TNHH Indovina	USD	5,00%	-	26.065.169.150
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	9,00% - 17,00%	-	27.065.214.865
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	3,40% - 5,00%	146.049.406.255	147.035.840.228
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	USD	3,40%	21.345.170.562	18.271.720.200
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	VND	18,00%	-	11.451.026.933
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	USD	6,00% - 6,50%	45.808.641.744	15.233.765.199
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EUR	6,25%	-	518.273.569
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất	USD	5,30%	-	58.524.900.872
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	3,70% - 4,00%	55.243.295.998	1.083.056.000
			<hr/>	<hr/>
			292.690.478.278	355.083.299.779

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo bằng tài sản.

16. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.518.173.358	3.749.919.865
Thuế thu nhập cá nhân	457.082.239	536.893.667
Thuế giá trị gia tăng	1.059.763.339	2.853.510.339
Các loại thuế khác	1.229.960	1.377.320
	<hr/>	<hr/>
	10.036.248.896	7.141.701.191

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

17. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hoa hồng phải trả đại lý	25.651.630.874	15.142.499.980
Xây dựng cơ bản dở dang	-	11.616.737.110
Chi phí lãi vay	468.358.037	1.253.253.326
Chi phí phải trả khác	1.283.771.662	192.000.000
	<hr/> 27.403.760.573	<hr/> 28.204.490.416

18. Các khoản phải trả khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	2.915.610.111	2.994.706.669
Bảo hiểm xã hội	89.108.965	64.044.689
Cổ tức phải trả	18.638.431.700	11.152.863.000
Phải trả khác	478.465.819	362.724.242
	<hr/> 22.121.616.595	<hr/> 14.574.338.600

19. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	-	16.261.492.104
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 15)	-	(6.888.085.578)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	-	9.373.406.526
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	VND	18,0%	2012	-	2.115.457.118
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	USD	6,5%	2012 - 2013	-	8.456.792.840
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EUR	6,0%	2012 - 2013	-	5.689.242.146
					- 16.261.492.104

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tất cả các khoản vay dài hạn đã được trả cho ngân hàng.

20. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Bảo hành VND	Trợ cấp thôi việc VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.648.537.973	3.500.000.000	8.148.537.973
Dự phòng lập trong năm	3.532.497.656	-	3.532.497.656
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư cuối năm	8.181.035.629	-	8.181.035.629

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 379 triệu VND (31/12/2011: 324 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã hoàn nhập tất cả khoản dự phòng trợ cấp thôi việc theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Xem thuyết minh 3(k) cho thông tin chi tiết.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	225.501.220.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	58.684.898.016	21.036.091.015	127.570.246.793	480.720.433.922
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	96.882.947.248	96.882.947.248
Cổ tức							
- Cổ phiếu	44.377.210.000	-	-	-	-	(44.377.210.000)	-
- Tiền (thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	(21.301.064.800)	(21.301.064.800)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	18.492.629.159	4.125.806.215	(22.618.435.374)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.601.289.944)	(6.601.289.944)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	77.177.527.175	25.161.897.230	129.555.193.923	549.701.026.426
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	64.149.114.584	64.149.114.584
Cổ tức							
- Đã công bố nhưng chưa trả	-	-	-	-	-	(18.638.431.700)	(18.638.431.700)
- Tiền (thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	(58.577.928.200)	(58.577.928.200)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.207.455.729	1.825.945.770	(5.033.401.499)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.414.911.458)	(6.414.911.458)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	80.384.982.904	26.987.843.000	105.039.635.650	530.218.869.652

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(361.512)	(14.367.110.657)	(361.512)	(14.367.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.626.331	266.263.310.000	26.626.331	266.263.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng kỳ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

24. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm 38.085.362.636 VND là doanh thu từ hàng khuyến mãi phát sinh trong năm 2011. Khoản doanh thu này được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Doanh thu hàng khuyến mãi phát sinh trong năm 2012 là 32.482.142.301 VND cũng được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.928.446.615	11.758.992.868
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.310.949.546	8.517.148.856
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.315.317.356	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	524.203.983	14.211.866
	10.078.917.500	20.290.353.590

26. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	22.068.211.186	27.580.116.911
Chi phí giảm giá	742.334.279	1.230.017.604
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.418.996.305	51.853.672.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	253.089.150
	27.229.541.770	80.916.895.691

27. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Bán phế liệu	1.236.602.425	6.142.574.576
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	545.455	287.270.546
Thu nhập khác	272.254.476	-
	1.509.402.356	6.429.845.122

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

28. Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Chi phí bán phế liệu	-	5.375.822.604
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	-	828.781.255
Chi phí khác	22.582.462	42.601.701
	<hr/> 22.582.462	<hr/> 6.247.205.560

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành (*)	22.287.014.730	14.443.151.450
	<hr/>	<hr/>
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(421.846.389)	589.125.612
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	(1.065.908.644)	-
	<hr/> (1.487.755.033)	<hr/> 589.125.612
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 20.799.259.697	<hr/> 15.032.277.062

(*) Trong chi phí thuế hiện hành có một khoản 1.425.046.670 VND Công ty phải nộp thêm theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước dựa trên kết quả kiểm toán năm 2011.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	84.948.374.281	111.915.224.310
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.237.093.570	27.978.806.078
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	(1.065.908.644)	-
Ưu đãi thuế	-	(13.305.425.171)
Chi phí không được khấu trừ thuế	373.214.916	358.896.155
Ảnh hưởng thay đổi bởi Kiểm toán Nhà nước	254.859.855	-
	20.799.259.697	15.032.277.062

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2005) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

30. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 64.149.114.584 VND (2011: 96.882.947.248 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.626.331 (2011: 26.626.331), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	64.149.114.584	96.882.947.248

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26,626,331	22,188,610
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	4,437,721
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	26,626,331	26,626,331

31. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2012 và ngày 6 tháng 12 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức lần lượt là 58.577.928.000 VND (2.200 VND trên mỗi cổ phiếu) và 18.638.431.700 VND (700 VND trên mỗi cổ phiếu).

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi ngân hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	127.915.998.462	50.264.704.613
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	153.906.410.802	110.437.002.047
		281.822.409.264	160.701.706.660

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND
Trong hạn	78.414.491.917	-	59.678.529.307	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	68.452.385.551	-	47.564.088.797	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	7.002.794.751	-	1.858.505.161	-
Quá hạn trên 180 ngày	1.917.615.519	(1.880.876.936)	3.421.376.988	(2.085.498.206)
	155.787.287.738	(1.880.876.936)	112.522.500.253	(2.085.498.206)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	2.085.498.206	450.939.561
Tăng trong năm	81.795.429	1.634.558.645
Hoàn nhập	(286.416.699)	-
Số dư cuối năm	1.880.876.936	2.085.498.206

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	295.466.303.298	295.466.303.298	295.466.303.298	-
Vay ngắn hạn	292.690.478.278	295.364.742.321	295.364.742.321	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	523.000.000	523.000.000	-	523.000.000
	588.679.781.576	591.354.045.619	590.831.045.619	523.000.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

31/12/2011

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	240.747.993.915	240.747.993.915	240.747.993.915	-
Vay ngắn hạn	355.083.299.779	360.274.194.985	360.274.194.985	-
Vay dài hạn	16.261.492.104	17.668.321.343	9.237.904.753	8.430.416.590
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.019.000.000	1.019.000.000	-	1.019.000.000
	613.111.785.798	619.709.510.243	610.260.093.653	9.449.416.590

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác bao gồm khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Đồng Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	232.564	-	64.243	-
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	1.420.295	-	1.145.938	-
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(4.496.388)	-	(2.614.340)	(58.615)
Vay ngắn hạn	(14.067.289)	-	(12.781.566)	-
Vay dài hạn	-	-	(406.030)	(205.390)
	(16.910.818)	-	(14.591.755)	(264.005)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
USD	20.810	21.036
EUR	27.322	27.282

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần tại ngày VND
31/12/2012	
USD (yếu đi 1,07%)	2.828.334.339
31/12/2011	
USD (mạnh thêm 8%)	(18.235.023.651)
EUR (yếu đi 0,3%)	16.205.787

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng	29.915.998.462	50.264.704.613
Các khoản tương đương tiền	53.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	45.000.000.000	-
Nợ phải trả tài chính		
Vay dài hạn	-	(16.261.492.104)
	127.915.998.462	34.003.212.509
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(292.690.478.278)	(355.083.299.779)

Việc tăng 100 điểm cơ bản trong lãi suất sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty giảm 420 triệu VND (2011: 3.186 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

(i) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(ii) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán theo từng loại nêu trong thuyết minh 3(m) như sau. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	127.915.998.462	50.264.704.613
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	155.787.287.738	112.522.500.253
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(295.466.303.298)	(240.747.993.915)
- Các khoản vay	(292.690.478.278)	(371.344.791.883)
	(304.453.495.376)	(449.305.580.932)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Các nhà đầu tư		
Chi trả cổ tức	77.216.359.900	65.678.274.800
Các bên liên quan		
Khoản vay nhận được	-	33.321.671.982
Ký quỹ	15.000.000.000	15.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	(211.234.143)
Ký quỹ nhận được	-	62.279.978.965
Lãi tiền gửi	128.000.000	2.090.944.667
Mua vật liệu	10.130.963.950	230.172.830
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	5.230.539.534	5.981.058.511

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

34. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.931.470.486	13.244.733.959

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.904.090.000	1.177.127.250
Trong vòng hai đến năm năm	3.897.104.000	2.721.760.000
Sau năm năm	669.730.000	900.845.000
	6.470.924.000	4.799.732.250

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.073.319.015.493	1.442.029.027.317
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	145.780.505.579	149.585.368.018
Chi phí khấu hao	52.528.035.786	35.197.821.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.264.441.368	57.614.994.806
Chi phí khác	247.918.301.798	142.064.171.755

ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc